

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ KHỐI 8

Tuần 4

(Từ ngày 25/9/2023 đến 30/9/2023)

PHẦN ĐỊA LÝ

Tiết 7, 8, 9

BÀI 2: ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH

A. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Đặc điểm chung của địa hình

a. Địa hình phần lớn là đồi núi

- Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ đất liền, chủ yếu là đồi núi thấp (85%).
- Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích đất liền, gồm đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển.

b. Địa hình được nâng lên tạo thành nhiều bậc

- Thời kì Tân kiến tạo, địa hình được nâng lên và phân thành các bậc: núi, đồi, đồng bằng, thềm lục địa.
- Địa hình thấp dần từ nội địa ra biển.

c. Địa hình mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mưa nhiều và theo mùa:
 - + Xâm thực, xói mòn ở vùng núi.
 - + Bồi tụ ở đồng bằng, thung lũng.
 - + Nước mưa hòa tan đá vôi tạo địa hình cac-xtơ.

d. Địa hình chịu tác động của con người

- Nhiều địa hình nhân tạo: đô thị, hầm mỏ, hồ chứa nước, đê,...

2. Đặc điểm của các khu vực địa hình

a. Địa hình đồi núi

Vùng núi Đặc điểm	Đông Bắc	Tây Bắc	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam
Phạm vi	Tả ngạn sông Hồng	Hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả	Phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã	Phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ
Hướng	Cánh cung	Tây bắc - đông nam	Tây bắc - đông nam	Nghiêng về phía đông
Độ cao	Núi thấp	Núi cao	Núi thấp	Khối núi cao và cao nguyên xếp tầng
Dãy núi chính	Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều	Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đỉnh, Pu Sam Sao	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam

b. Địa hình đồng bằng

- Đồng bằng chia thành 2 loại:
- + Đồng bằng châu thổ: điển hình nhất là ĐB sông Hồng, ĐB sông Cửu Long có diện tích rộng lớn, do phù sa sông bồi đắp.
- + Đồng bằng ven biển miền Trung: kéo dài với nhiều đồng bằng nhỏ và hẹp.

c. Địa hình bờ biển và thềm lục địa

- Địa hình bờ biển: đồng bằng châu thổ, bãi triều, vũng vịnh, cồn cát, đầm phá,...
- Thềm lục địa mở rộng ở khu vực vịnh Bắc Bộ, vùng biển phía nam và tây nam, miền trung sâu và hẹp.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Câu 1. Trắc nghiệm. Hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Khu vực có địa hình cao nhất nước ta là

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

2. So với diện tích cả nước các miền núi cao trên 2000 m chiếm khoảng

- A. 1 %. B. 15%. C. 50%. D. 85%.

3. Địa hình nào dưới đây không phải là địa hình nhân tạo

- A. Đập nước. B. Hầm mỏ. C. Đô thị. D. Hang động.

4. Dãy núi nào sau đây ở khu vực Đông Bắc không có dạng hình cánh cung?

- A. Ngân Sơn. B. Bắc Sơn. C. Tam Đảo. D. Đông Triều.

5. Địa hình chủ yếu trong cấu trúc địa hình của phần đất liền Việt Nam là

- A. Đồi núi. B. Đồng bằng. C. Bán bình nguyên. D. Cao nguyên.

6. Dãy núi cao nhất nước ta là

- A. Hoàng Liên Sơn. B. Pu Đen Đinh.
C. Pu Sam Sao. D. Trường Sơn Bắc

7. Sự khác biệt rõ rệt giữa địa hình khu vực Đông Bắc và Tây Bắc là ở đặc điểm

- A. Độ cao và hướng núi. B. Hướng nghiêng
C. Giá trị về kinh tế. D. Sự tác động của con người

8. Đặc điểm nào đúng với địa hình khu vực Trường Sơn Nam?

- A. Cao nhất nước ta. B. Có nhiều khối núi và cao nguyên xếp tầng.
C. Hướng vòng cung. D. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

9. Dạng địa hình chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng ở nước ta là:

- A. Cao nguyên. B. Đồi trung du, bán bình nguyên.
C. Sơn nguyên. D. đồi các-xơ

10. Thêm lục địa nước ta mở rộng tại các vùng biển

- A. Bắc Bộ và Trung Bộ. B. Trung Bộ và Nam Bộ.
C. Bắc Bộ và Nam Bộ. D. Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam

Câu 2. So sánh đặc điểm địa hình của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.

Khu vực	Đặc điểm địa hình
Đồng bằng sông Hồng	
Đồng bằng sông Cửu Long	

Câu 3. Dựa vào hình 2.2 trang 101 và hình 2.2 trang 102 SGK, thực hiện các yêu cầu sau:

- Lát cắt A-B đi qua những dạng địa hình nào?

.....

- Cho biết hướng địa hình của lát cắt A-B?

.....

D. DẶN DÒ

-Hoàn thành nội dung bài học, làm bài tập luyện tập và vận dụng.

-Chuẩn bị bài và đọc trước bài 3, 4 phần Lịch sử.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Thầy Nguyễn Ngọc Chính

-SĐT: 0967293940

-GVBM: Cô Nguyễn Thị Mỹ Lệ

-SĐT: 0933156546